
Phần I VẬT LÍ

CÁC PHÉP ĐO

Chương 1



Bảng đáp án chủ đề 1

Hướng dẫn giải

Bài 1. Các ngành khoa cơ bản

1. C	2.A	3.D	4.D	5.A	6.D	7.D	8.A	9.B	10.C
11. D	12.D	13.B	14.C	15.A	16.D	17.C	18.D	19.A	20.C
21. C	22.D								

Câu 20. Khả năng chuyển động không quyết định là vật sống hay vật không sống.

Chọn đáp án **C**

Câu 22. Đối tượng nghiên cứu của Sinh học khác với các ngành khoa học khác, cụ thể Sinh học nghiên cứu về thế giới vật sống và môi trường sống. Chọn đáp án **D**



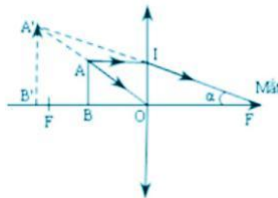
Bài 2. Quy tắc an toàn phòng thí nghiệm

1. D	2.A	3.C	4.C	5.D	6.C	7.A	8.D	9.B	10.C
11. C	12.B	13.D	14.B	15.A	16.C	17.A	18.D	19.A	20.C

Bài 3. Công cụ hỗ trợ mắt trong nghiên cứu khoa học

1. A	2.B	3.C	4.A	5.B	6.A	7.C	8.A	9.B	10.A
11. A	12.C	13.A	14.D	15.A	16.C	20.C			

Câu 13.



Chọn đáp án **A**

Bài 4. Hướng dẫn sử dụng kính hiển vi

1. D	2.A	3.C	4.C	5.D	6.C	7.A	8.D	9.B	10.C
11. C	12.A	13.D	14.B	15.A					

Câu 4. Độ phóng đại kính hiển vi bằng độ phóng đại thị kính nhân với độ phóng đại vật kính. Cụ thể: $10 \times 100 = 1000$ lần

Chương 1. Các phép đo

Chọn đáp án **C**

Bài 5. Sự dài ngắn và phép đo độ dài

1. A	3.A	4.D	5.B	6.C	7.A	8.A	9.D	10.A	11.D			
12. D	13.A	14.B										

Bài 6. Sự nặng nhẹ và phép khối lượng

1. D	2.D	3.C	4.B	5.D	6.C	7.A	8.B	9.D	10.B			
11. C	12.D	13.B	14.D	15.D	16.D	17.A	18.C	19.C	20.B			

Câu 11. Trên một hộp mứt Tết có ghi 250g. Con số đó chỉ khối lượng của mứt trong hộp mứt.

Chọn đáp án **C**

Câu 12. Dùng cân Rô – bec – van có đòn cân phụ để cân một vật. Khi cân thăng bằng thì khối lượng của vật bằng tổng khối lượng của các quả cân đặt trên đĩa cộng với giá trị của số chỉ của con mã.

Chọn đáp án **D**

Câu 14. - Trên nhãn của chai nước khoáng có ghi: 330 ml → chỉ thể tích nước trong chai. - Trên vỏ hộp Vitamin B1 có ghi: 1000 viên nén → chỉ số lượng viên thuốc - Ở một số cửa hàng vàng bạc có ghi: vàng 99,99 → chất lượng vàng đạt 99,99% độ tinh khiết. - Trên bao bì túi xà phòng có ghi: 1 kg → chỉ khối lượng xà phòng.

Chọn đáp án **D**

Câu 15. : Kết quả đo phải là bội số của ĐCNN.

Chọn đáp án **D**

Câu 16. Số cân hoa quả là bội của ĐCNN → ĐCNN của cân đã dùng là 1g.

Chọn đáp án **D**

Câu 17. Vì viên thuốc có kích thước nhỏ nên khối lượng cũng nhỏ.

Chọn đáp án **A**

Câu 18. : Với một cân Rô – bec – van và hộp quả cân, độ chia nhỏ nhất của cân là khối lượng của quả cân nhỏ nhất.

Chọn đáp án **C**

Câu 19. Giới hạn đo của cân Rô – bec – van là tổng khối lượng các quả cân có trong hộp.

Chọn đáp án **C**

Câu 20. : Trước một chiếc cầu có một biển báo giao thông có ghi “5T”. Số 5T chỉ dẫn rằng xe có khối lượng trên 5 tấn thì không được đi qua cầu. Chọn đáp án **B**



Bài 7. Sự nhanh chậm và phép đo thời gian

1. D	2.B	3.D	4.C	5.A	6.B	7.A	8.B	9.B	10.C			
------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	--	--	--

Câu 6. Ta có 1 giờ = 60 phút nên 1,6 giờ = 60 phút $\frac{1}{10}$ 1,6 = 96 phút = 1 giờ 36 phút.

Vậy bạn An đã nói sai.

Chọn đáp án **B**



Câu 7. Ta có 1 năm = 12 tháng nên 2 năm = 12 tháng \times 2 = 24 tháng. Vậy bạn Hà nói đúng.

Chọn đáp án **A**

Câu 8. Ta có: Từ năm 1801 đến năm 1900 là thế kỉ mười chín (thế kỉ XIX).

Do đó, chiếc máy khâu phát minh năm 1898 thuộc thế kỉ XIX.

Chọn đáp án **B**

Câu 9. Từ ngày 28 tháng 3 năm 2017 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019 có số ngày là:
 $365 \times 2 = 730$ (ngày)

Ta có: $730 : 7 = 104$ dư 2

Vì ngày 28 tháng 3 năm 2017 là thứ ba nên ngày 28 tháng 3 năm 2019 là thứ năm. Chọn đáp án **B**

Câu 10. Ta có: 1 ngày = 24 giờ.

Do đó, 1,25 ngày = 24 giờ \times 1,25 = 30 giờ.

Vậy 1,25 ngày = 30 giờ.

Chọn đáp án **C**

Bài 8. Sự nóng lạnh và phép đo nhiệt độ

1. B	2.B	3.D	4.C	5.D	6.A	7.D	8.A	9.C	10.A			
11. D	12.C	13.C	14.D	15.B								

Câu 11. Ta có $37^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + 37.1,8^{\circ}\text{F} = 98,6^{\circ}\text{F}$.

Chọn đáp án **D**

Câu 12. Ta có $293\text{ K} = 273\text{ K} + t^{\circ}\text{C} \Rightarrow t = 20^{\circ}\text{C}$

$20^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + 20.1,8^{\circ}\text{F} = 68^{\circ}\text{F}$.

Chọn đáp án **C**

Câu 13. Nước sôi ở 100°C . Ta có $100^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + 100.1,8^{\circ}\text{F} = 212^{\circ}\text{F}$.

Chọn đáp án **C**

Câu 14. Nước sôi ở 100°C Vì rượu sôi ở $80^{\circ}\text{C} < 100^{\circ}\text{C} \Rightarrow$ không thể dùng nhiệt kế rượu để đo nhiệt độ của nước đang sôi.

Chọn đáp án **D**

Câu 15. Nhiệt kế thủy ngân có thể dùng để đo nhiệt độ nhỏ từ vài trăm độ trở xuống nên không thể đo nhiệt độ trong lò luyện kim. Chọn đáp án **B**



Bài 9. Ôn tập chương

Câu 1. a) $0,6\text{ m}^3 = 600\text{ dm}^3 = 600.000.000\text{ mm}^3 = 600.000\text{ cc}$

b) $15\text{ lít} = 0,015\text{ m}^3 = 15000\text{ cm}^3 = 15000\text{ cc}$

c) $2\text{ m}^3 = 2000\text{ lít} = 2.000.000\text{ cm}^3$

d) $42000\text{ mm}^3 = 42\text{ cm}^3 = 0,042\text{ lít}$

b) ĐCNN: Có thể là $0,1\text{ cm}^3$ hoặc $0,7\text{ cm}^3$

c) ĐCNN: Có thể là $0,1\text{ cm}^3$ hoặc $0,5\text{ cm}^3$.

Câu 3. a) Số ghi trên can là giá trị giới hạn đo của can.

b) Phải dùng ít nhất số can là: 15 can. Vì $30 : 2,1 = 14,3$ (can)